

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 602/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/11/2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa bà N và ông Đ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Việt Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy

2. Ông Lê Trung Thành

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung—Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ -Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 334/2020/TLST.HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 286/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 236/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp VQ, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị Tuyết N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp TA, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N trình bày và có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Giữa bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn Đ do gia đình mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn trễ hạn theo giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 18/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cả hai không có tiếng nói chung, ông Nguyễn Văn Đ thường xuyên không quan tâm chăm sóc vợ con, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị Tuyết N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Có 01 (một) con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/04/2008. Hiện cháu N đang sống chung với bà Trần Thị Tuyết N và ý kiến cháu N có nguyện vọng được sống chung với bà Trần Thị Tuyết N. Khi ly hôn bà Trần Thị Tuyết N yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/04/2008 và không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết.

*.Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Nguyễn Văn Đ không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Phú nhận định:

[2] *Về tố tụng:* Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 27/10/2020, với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị Tuyết N. Ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Nguyễn Văn Đ vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn Đ.

[3] *Về hôn nhân*: Giữa bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn Đ hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Xem xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết N. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Tuyết N là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Trần Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

[4] *Về nuôi con chung*: Theo giấy khai sinh của Nguyễn Thị Yến N, lời trình bày của bà Trần Thị Tuyết N thì bà và ông Nguyễn Văn Đ có con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/04/2008. Hiện cháu Nhi đang sống chung với bà Trần Thị Tuyết N. Khi ly hôn bà Trần Thị Tuyết N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/04/2008; không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung được bà Trần Thị Tuyết N giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập; bà Trần Thị Tuyết N yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Trần Thị Tuyết N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/04/2008 cho bà Trần Thị Tuyết N được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trần Thị Tuyết N và các thành viên trong gia đình của bà Trần Thị Tuyết N không được cản trở ông Nguyễn Văn Đ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Trần Thị Tuyết N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Tuyết N trình bày về tài sản chung và nợ chung giữa bà và ông Nguyễn Văn Đ

Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của ông Nguyễn Văn Đ để đối chất làm rõ các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí*: Bà Trần Thị Tuyết N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 18/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 15/04/2008 cho bà Trần Thị Tuyết N được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trần Thị Tuyết N và các thành viên trong gia đình của bà Trần Thị Tuyết N không được cản trở ông Nguyễn Văn Đ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Bà Trần Thị Tuyết N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết N trình bày tài sản chung và nợ chung là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số

000349 ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà Trần Thị Tuyết N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã VTT,
huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Vp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Việt Nam

